

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08-02-2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đức Huân;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quốc Huy;

2. Bà Phạm Thị Chuộng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thăng Long - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 08/02/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 444/2019/TLST-HNGĐ ngày 03/12/2019 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐST-DS ngày 27/01/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Vũ Quang H, sinh năm 1967;

Đơn vị công tác: Học viện L; địa chỉ: Số 2B LG, Phường 9, thành phố ĐL, tỉnh LD. ***Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.***

Bị đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Khu dân cư B1, phường M, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. ***Vắng mặt tại phiên tòa.***

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn ông Vũ Quang H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông kết hôn với bà Trần Thị L, sinh năm 1968 vào ngày 02 tháng 3 năm 1991 trên cơ sở tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M - nay là phường M, thị xã Kinh Môn. Sau ngày cưới ông và bà L chung sống với nhau được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, bà L thiếu sự tôn trọng ông và gia đình chồng. Do mâu thuẫn căng thẳng nên ông đã chuyển công

tác vào trong miền nam từ năm 2013, vợ chồng không còn quan tâm, liên lạc với nhau, công việc và kinh tế độc lập, không ai phụ thuộc ai. Tuy nhiên, mỗi khi gia đình có công việc quan trọng thì ông vẫn xin nghỉ phép về nhưng tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không còn thương yêu nhau. Sau khi nộp đơn khởi kiện tại Tòa án thì ông không về nhà và liên lạc gì với bà L nữa. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài nên ông đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn bà Trần Thị L.

Đối với lời khai của bà L xác định ông có quan hệ ngoài hôn nhân và có con riêng với người phụ nữ khác là không có căn cứ.

- *Quan hệ về con chung*: Vợ chồng ông có 02 con là VL, sinh năm 1992 và VT, sinh năm 1998. Do các con đều đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Quan hệ về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ bị đơn- bà Trần Thị L trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà cũng xác định về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như ông H khai. Sau ngày cưới vợ chồng bà chung sống tại khu dân cư B, phường M, thị xã Kinh Môn. Quá trình chung sống, vợ chồng bà chưa khi nào phát sinh mâu thuẫn đến mức đánh, cãi, chửi nhau. Năm 2013, vì điều kiện công việc nên ông H chuyển công tác vào Học viện lục quân tại Đà Lạt, Lâm Đồng, còn bà công tác tại Công ty lắp máy 693 tại địa phương. Mặc dù địa giới hành chính xa cách nhưng vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc, quan tâm và đi lại thăm gặp nhau. Tuy nhiên, vào năm 2016 bà phát hiện ra ông Vũ Quang H có quan hệ bất chính với cô Đinh Thị Nhân, cô Nhân còn thường xuyên gọi điện, nhắn tin khiêu khích bà. Do vậy, tháng 6/2016 bà đã bay vào trong miền nam nói chuyện và đề nghị ông Vũ Quang H ly hôn nhưng khi đó ông H không đồng ý mà động viên bà về đoàn tụ vì con chung. Bà đã tha thứ cho ông H và tình cảm vợ chồng trở lại bình thường. Tháng 7/2019, ông H về gia đình đưa đơn ly hôn bảo bà ký với lý do vợ chồng không hợp nhau. Do căn cứ ông H xin ly hôn không đúng nên bà không đồng ý ký đơn. Nay quan điểm của bà xác định trong cuộc sống vợ chồng, gia đình bà luôn làm tròn bổn phận của người con dâu, người vợ, người mẹ, không vi phạm nghĩa vụ gì, bản thân bà vẫn còn thương yêu chồng nên không đồng ý ly hôn.

- *Quan hệ về con chung*: Vợ chồng bà có 02 con là VL, sinh năm 1992 và VT, sinh năm 1998. Do các con đều đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Quan hệ về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ người làm chứng- ông Trần Xuân N trình bày: Ông có quan hệ là bố đẻ chị Trần Thị L, anh Vũ Quang H là con rể ông.

Anh H, chị L kết hôn vào khoảng năm 1991 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã M. Sau ngày cưới anh chị chung sống vui vẻ tại địa phương, anh H công tác trong quân đội còn chị L làm công nhân. Trong cuộc sống vợ chồng anh H có biểu hiện quan hệ nam nữ không đúng mực nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Do chán nản gia đình lại đi công tác xa nên rất ít khi anh H về nhà. Anh H không chăm lo đến gia đình, vợ con. Nay anh H có đơn ly hôn chị L, ông mong muốn anh chị về đoàn tụ, còn trường hợp anh H cương quyết ly hôn thì đó là quyền của anh H.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bà Trần Thị L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện VKSND thị xã Kinh Môn phát biểu ý kiến, xác định Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Quang H. Xử cho ông Vũ Quang H được ly hôn bà Trần Thị L; về án phí: Ông Vũ Quang H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Vũ Quang H khởi kiện tranh chấp về ly hôn, đây là tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn-bà Trần Thị L có địa chỉ tại: Khu dân cư B 1, phường M, thị xã Kinh Môn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Vũ Quang H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; do vụ án kéo dài, đã nhiều lần phải tạm đình chỉ và gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:*

Ông Vũ Quang H và bà Trần Thị L kết hôn vào ngày 02 tháng 3 năm 1991 trên cơ sở tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M - nay là phường M, thị xã Kinh Môn. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới ông H, bà L chung sống tại khu dân cư B, phường M. Thời gian đầu ông H công tác tại huyện Chí

Linh, tỉnh Hải Dương còn bà L công tác tại Công ty lắp máy 69-3. Năm 2013 ông Vũ Quang H chuyển công tác vào làm việc tại Học viện L; địa chỉ: Số 2B LG, Phường 9, thành phố Đ, tỉnh LĐ. Do điều kiện công việc xa nhà nên ông H ít về gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Mặc dù trong cuộc sống gia đình bà Trần Thị L luôn thực hiện tốt bổn phận, nghĩa vụ của một người con dâu, người vợ, người mẹ trong gia đình nhưng do ông H không còn thương yêu bà L nên đến tháng 12/2019 ông Vũ Quang H đã nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Từ sau khi nộp đơn đến Tòa án, ông H, bà L sống ly thân, không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau.

Tại lời khai, người làm chứng-ông Trần Xuân Nguyên xác định: “...ông H đi công tác ít khi về vì chán nản gia đình...”

Tại biên bản xác minh ngày 30/12/2020, chính quyền địa phương phường M, thị xã Kinh Môn cung cấp: Ông Vũ Quang H và bà Trần Thị L kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký tại UBND phường M. Sau ngày cưới ông bà chung sống tại khu dân cư B, phường M. Theo nắm bắt tình hình tại địa phương xác định nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông H, bà L là do ông H thường xuyên đi công tác xa nhà, không còn quan tâm, yêu thương bà L. Bản thân bà L trong cuộc sống vợ chồng luôn làm tốt nghĩa vụ, bổn phận của một người vợ, người con dâu trong gia đình. Ông H, bà L đã ly thân nhau thời gian dài. Quan điểm của địa phương xác định tình trạng hôn nhân giữa ông H, bà L đã trầm trọng và kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại lời khai của mình vào ngày 17/12/2020, bà Trần Thị L cũng xác định: “Sau khi ông H nộp đơn khởi kiện ra Tòa án thì tôi và ông H không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau. Vừa qua gia đình tôi có tổ chức lễ cưới cho con gái lớn, ông H có về nhà nhưng không nói chuyện gì với tôi. Mỗi khi tôi muốn tâm sự, nói chuyện thì ông H đều né tránh. Khi đó ông H thường lên tầng 2, khóa cửa không nói chuyện với ai”.

Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa ông H, bà L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho ông H được ly hôn bà L.

[3] Bà Trần Thị L khai nguyên nhân dẫn đến việc ông Vũ Quang H làm đơn ly hôn bà là do ông H có quan hệ với người phụ nữ khác tên là Nguyễn Ngọc A, địa chỉ tại: thuộc nổ xí nghiệp 2, thị xã PY, tỉnh TN (có xác nhận của ông Nguyễn Văn V - là anh họ của ông H) và người phụ nữ tên Đinh Thị N ở thành phố ĐL (không có địa chỉ cụ thể) và đều có con riêng. Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn đã tiến hành ủy thác thu thập chứng cứ liên quan nhưng Tòa án nhân dân thị xã PY, tỉnh TN xác định tại địa phương thị xã PY không có địa chỉ “thuộc nổ xí nghiệp 2 thị xã PY”; ngày 17/12/2020, Tòa án đã ra quyết định yêu cầu cung cấp

chứng cứ về việc ông Vũ Quang H chung sống như vợ chồng với người khác đối với bị đơn-bà Trần Thị L. Ngày 07/01/2021 bà L giao nộp cho Tòa án 02 bản ảnh thể hiện nội dung tin nhắn từ số thuê bao +84973490186 nhưng không thể hiện việc ông H có hành vi chung sống như vợ chồng với người khác; ông Vũ Quang H xác định không biết và không có quan hệ ngoài hôn nhân với cô Nguyễn Ngọc A và cô Đinh Thị N như lời khai của bà L. Do đó, không đủ căn cứ để xác định ông Vũ Quang H có hành vi chung sống như vợ chồng với người khác.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Quang H. Xử cho ông Vũ Quang H ly hôn bà Trần Thị L.

2. Về án phí: Ông Vũ Quang H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được đối trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn theo biên lai số AA/2017/0007840 ngày 02/12/2019. Ông Vũ Quang H đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- UBND phường M, thị xã Kinh Môn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đặng Đức Huấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Đức Huấn